

Bản án số: 24/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 26/5/2022.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Được.

Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buól – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị O; Sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Phi C; Sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2022 cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 26/4/2022 nguyên đơn Võ Thị O trình bày:

Vào năm 2002, bà O và ông C sống chung với nhau, không có đăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà O và ông C sống hạnh phúc đến tháng 05/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, bà O và ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Phi T sinh ngày 14/12/2002. Bà O và ông C không có tài sản chung và nợ chung.

Nay Bà Võ Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phi C.

- Về con chung: Hiện nay con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2022, cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 26/4/2022, ông Nguyễn Phi C trình bày: Ông và bà O chung sống với nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Ông bà có một người con chung là cháu Nguyễn Phi T sinh ngày 14/12/2002. Về tài sản chung, nợ chung không có. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà O thì ông C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà O. Về con chung: Hiện nay con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên mối quan hệ giữa bà O và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị O và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C; về con chung đã thành niên nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị O và bị đơn ông Nguyễn Phi C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 235 và Điều 238 xét xử vắng mặt bà O và ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, từ năm 2002 bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà O và ông C do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ giữa bà O và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C.

[3] Về con chung: Bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C xác định trong thời gian chung sống có hai người con chung là cháu Nguyễn Phi T sinh ngày 14/12/2002; hiện nay cháu Trường đã thành niên, bà O và ông C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C thống nhất xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Võ Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Phi C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị O.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C;

2/ Về con chung: Bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C thống nhất xác định trong thời gian chung sống có hai người con chung là cháu Nguyễn Phi T sinh ngày 14/12/2002, hiện nay cháu Trường đã thành niên, bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Võ Thị O và ông Nguyễn Phi C thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003364 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Võ Thị O đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Phi C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà